

DIỄN BIẾN BỘ CHỈ SỐ PVN-INDEX

Chỉ số Đại diện

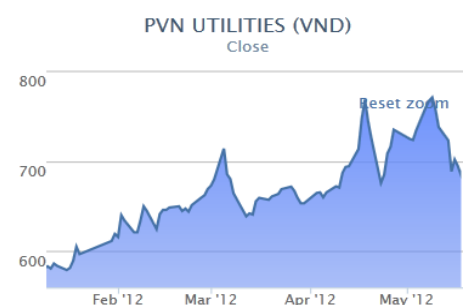


Chỉ số PVN 10



Chỉ số	Giá đóng cửa	Thay đổi	% Thay đổi
PVN 10	881.75	↓ -2.62	↓ -0.3
PVN All-Share Continuous	733.89	↑ 1.44	↑ 0.2
PVN All-Share	711.21	↑ 0.08	↑ 0.01
PVN All-Share HSX	741.29	↑ 2.7	↑ 0.37
PVN All-Share HNX	685.61	↓ -1.01	↓ -0.15
PVN Vật Liệu Cơ Bản	1000	↑ 8.7	↑ 0.88
PVN Dịch Vụ Tiêu Dùng	915.49	→ 0	→ 0
PVN Tài Chính	699.41	↑ 15.04	↑ 2.2
PVN Công Nghiệp	569.26	↓ -8.51	↓ -1.47
PVN Dầu Khí	696.31	↓ -8.32	↓ -1.18
PVN Dịch Vụ Tiện Ích	709.81	↓ -7.74	↓ -1.08

Chỉ số Ngành



Bloomberg : PVNI <GO>

www.pvnindex.vn

Cấu trúc Bộ chỉ số PVN-Index

Bộ Chỉ số PVN-Index bao gồm tất cả Công ty thành viên PVN được niêm yết trên Sàn chứng khoán Hồ Chí Minh (HSX), Sàn chứng khoán Hà Nội (HNX) và sàn UpCOM.

Bộ chỉ số PVN-Index được xây dựng và vận hành bởi công ty cổ phần Chứng khoán Dầu khí (PSI), với sự tư vấn của các chuyên gia nước ngoài uy tín và tuân thủ đầy đủ theo các tiêu chuẩn và thông lệ quốc tế về bộ chỉ số chứng khoán.

Bộ chỉ số bao gồm Chỉ số Đại diện (Benchmark) nhằm đưa ra thước đo chuẩn xác nhất cho sự biến động của toàn bộ thị trường, Chỉ số Ngành đánh giá các ngành công nghiệp đặc trưng và Chỉ số Blue Chips giúp tạo ra các giỏ đầu tư và nhóm danh mục giao dịch một cách dễ dàng với chi phí thực hiện tối thiểu.

Bộ chỉ số được tính toán theo cả Chỉ số Giá (Prices) và Chỉ số Lợi Nhuận (Total Return) (bao gồm cổ tức).

Mỗi Chỉ số được tính bằng 4 loại tiền tệ: EUR, USD, JPY và VND. Dữ liệu lịch sử được tính lại từ ngày 31-12-2008. Bộ chỉ số PVN-INDEX hoàn chỉnh bao gồm 88 chỉ số.

CHỈ SỐ	TÊN CHỈ SỐ	LOẠI CHỈ SỐ	Chỉ số Giá				Chỉ số Lợi Nhuận			
			VND	EUR	USD	JPY	VND	EUR	USD	JPY
PVNAS	PVN ALL SAHRE	Đại diện	1	1	1	1	1	1	1	1
PVNASC	PVN ALLSHARE CONTINUOUS	Đại diện	1	1	1	1	1	1	1	1
PVNHSX	PVN ALLSHARE HSX	Đại diện	1	1	1	1	1	1	1	1
PVNHNX	PVN ALLSHARE HNX	Đại diện	1	1	1	1	1	1	1	1
PVN10	PVN 10	Đầu tư	1	1	1	1	1	1	1	1
PVNBM	PVN Vật liệu Cơ bản	Ngành	1	1	1	1	1	1	1	1
PVNCS	PVN Dịch vụ Tiêu dùng	Ngành	1	1	1	1	1	1	1	1
PVNFI	PVN Tài chính	Ngành	1	1	1	1	1	1	1	1
PVNIN	PVN Công nghiệp	Ngành	1	1	1	1	1	1	1	1
PVNOG	PVN Dầu khí	Ngành	1	1	1	1	1	1	1	1
PVNUT	PVN Dịch vụ Tiện ích	Ngành	1	1	1	1	1	1	1	1
	TỔNG	88	11	11	11	11	11	11	11	11

Chỉ số Đại diện (4): PVN All Share; PVN All Share Continuous; PVN All Share HSX; PVN All Share HNX.

Chỉ số Đầu tư (PVN 10) (Chỉ số Bluechip): được thiết lập tuân thủ tất cả các tiêu chuẩn quốc tế nhằm được sử dụng như công cụ cơ bản cho các sản phẩm phái sinh cũng như các sản phẩm có cấu trúc khác. Tỷ trọng giữa những cổ phiếu thuộc chỉ số Bluechip được tính theo vốn hoá chuyển nhượng được.

Chỉ số Ngành (6): Chỉ số Ngành cho phép so sánh các cổ phiếu trong ngành:

- PVN Vật Liệu Cơ Bản
 - PVN Dịch Vụ Tiêu Dùng
 - PVN Tài Chính
- PVN Công Nghiệp
 - PVN Dầu Khí
 - PVN Dịch Vụ Tiện Ích

Chỉ số Giá (Price) và Chỉ số Lợi Nhuận (Total Return)

Chỉ số Giá (Price) là cơ sở cho các sản phẩm phái sinh, Chỉ số Lợi Nhuận (Total Return) thường được sử dụng cho các chỉ số quỹ. Cả hai được sử dụng cho những sản phẩm riêng biệt.

Phiên bản chỉ số ngoại tệ

Bộ chỉ số PVN-INDEX tính bằng đơn vị tiền tệ VND và được quy đổi ra các ngoại tệ chính khác như USD, EUR và JPY phục vụ cho việc theo dõi và sử dụng của giới đầu tư nước ngoài.

Phương pháp luận

Ngày gốc của tất cả chỉ số PVN-INDEX là ngày 31/12/2008

Giá trị gốc của tất cả chỉ số trong bộ chỉ số PVN-Index là 1000

Tỷ lệ cổ phiếu tự do giao dịch

Sở hữu của một cổ đông vượt quá 5% tổng số cổ phiếu lưu hành sẽ không được coi là cổ phiếu có thể tròn đến 5%.

Cổ tức được tính trong các chỉ số lợi nhuận là cổ tức gộp.

Tỷ trọng vốn hóa thị trường (Market Capitalisation Weight)

Tỷ trọng của các cổ phiếu thành viên chỉ số được tính dựa trên phần trăm giá trị vốn hoá của cổ phiếu trên tổng giá trị vốn hoá của chỉ số.

Đối với chỉ các chỉ số PVN Allshare và PVN Ngành, vốn hoá thị trường áp dụng là vốn hoá trên tổng số lượng cổ phiếu lưu hành (market capitalisation).

Đối với chỉ số PVN10: vốn hoá thị trường áp dụng là vốn hoá trên số lượng cổ phiếu tự do giao dịch (freefloat market capitalisation)

Giới hạn tỷ trọng vốn hoá 15% được áp dụng cho chỉ số PVN 10.

NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG

HSX:

Nhận định thị trường:

Tổng quan thị trường

	Giá trị	Thay đổi	± %
VN-Index	447.90 ↓	-0.12	-0.03%
KLGD (triệu ck)	84.44 ↑	7.11	9.20%
GTGD (tỷ đồng)	1,527.22 ↑	265.62	21.05%
Tổng cung (triệu ck)	188.79 ↑	17.26	10.06%
Tổng cầu (triệu ck)	185.84 ↓	-40.38	-17.85%
Giao dịch NN			
KL mua (triệu ck)	4.36 ↑	0.81	22.68%
KL bán (triệu ck)	1.84 ↓	-6.05	-76.70%
Giá trị mua (tỷ đồng)	123.82 ↓	-1.28	-1.02%
Giá trị bán (tỷ đồng)	64.84 ↓	-169.68	-72.35%

Theo AFP, số liệu chính thức ngày 21-5 cho thấy các khoản nợ xấu của Hy Lạp đã giảm mạnh sau khi các chủ nợ tư nhân xóa một phần nợ lớn chưa từng có, giảm gánh nặng cho khu vực đồng tiền chung euro (eurozone) đang gặp khó khăn. Kết thúc phiên giao dịch đầu tuần, cả ba chỉ số chính của chứng khoán Mỹ đồng loạt tăng hơn 1%, chấm dứt chuỗi 6 phiên rớt giá liên tiếp trước đó nhờ niềm lạc quan rằng các nhà lãnh đạo châu Âu sẽ tìm ra cách để giải quyết khủng hoảng nợ.

Số liệu vừa công bố cho biết 5 tháng, Hà Nội nhập siêu 5,1 tỷ USD, thành phố Hồ Chí Minh xuất siêu 264,3 triệu USD. 3. Chỉ số sản xuất công nghiệp Hà Nội tháng 5 tăng mạnh 5,1% trong khi thành phố Hồ Chí Minh chỉ nhích nhẹ 0,7% so với tháng trước.

Cập nhật thị trường tiền tệ: Lãi suất liên ngân hàng ổn định (O/N xoay quanh từ 2 – 2,5%/năm), thị trường giao dịch khá ảm đạm. Theo số liệu mới công bố, CPI của Hà Nội và TP HCM tăng khá thấp, chưa tới 0,2% nên CPI của cả nước có thể cũng chỉ xoay quanh mức 0,2%. Đây có thể là tiền đề cho việc tiếp tục giảm lãi suất trần trong tháng sau. Trong thời gian qua, mặc dù Chính phủ đã rất nỗ lực tạo điều kiện thúc đẩy tín dụng nhưng tình hình vẫn chưa có gì khả quan do các doanh nghiệp vẫn khó tiếp cận được vốn. Vì thế, để đảm bảo được tăng trưởng kinh tế thì trong thời gian tới, có thể Chính phủ sẽ đưa ra các biện pháp mạnh mẽ hơn và trực tiếp tác động vào tăng trưởng tín dụng.

Đà phục hồi có dấu hiệu chững lại, thanh khoản thị trường phiên hôm nay có chút cải thiện so với phiên trước, nhưng vẫn theo chiều hướng giảm dần. VN-index vẫn đang ở dưới kháng cự 460 điểm, còn HNX-index vẫn chưa tiệm cận tới vùng 77 điểm. Các dấu hiệu kỹ thuật cho thấy xu thế giảm ngắn hạn chưa bị phá vỡ do đó nhà đầu tư nên tiếp tục đứng ngoài thị trường và nếu còn nắm giữ nhiều cổ phiếu thì có thể tận dụng những thời điểm thị trường tăng để giảm tỷ lệ cổ phiếu trong danh mục.

Công Ty CPCK Dầu khí
18 Lý Thường Kiệt, Hà Nội
ĐT: (84-4) 39343888
Fax: 393439999

HNX:

Nhận định thị trường:

Tổng quan thị trường

	Giá trị	Thay đổi	± %
HNX-Index	76.50 ↓	-0.34	-0.44%
KLGD (triệu ck)	58.73 ↑	13.01	28.45%
GTGD (tỷ đồng)	610.20 ↑	154.72	33.97%
Tổng cung (triệu ck)	85.30 ↑	40.46	90.23%
Tổng cầu (triệu ck)	72.82 ↓	-0.99	-1.34%
Giao dịch NN			
KL mua (triệu ck)	2.79 ↑	1.92	219.30%
KL bán (triệu ck)	0.46 ↓	-0.50	-52.14%
Giá trị mua (tỷ đồng)	35.78 ↑	24.79	225.49%
Giá trị bán (tỷ đồng)	5.85 ↓	-4.80	-45.07%

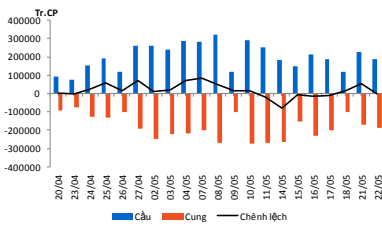
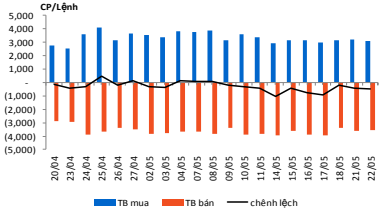
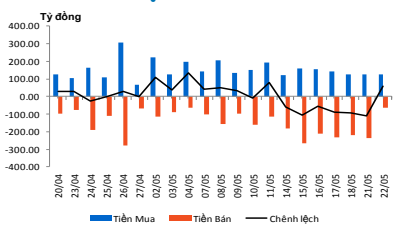
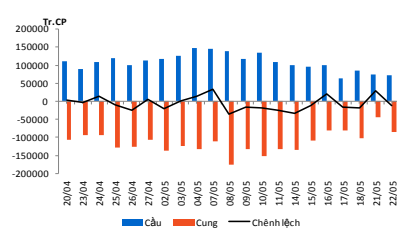
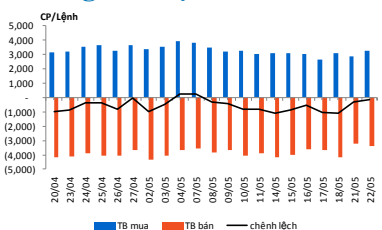
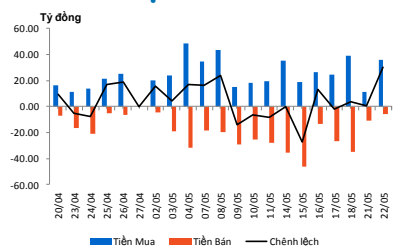


Đồ thị HNX-Index.

Như đã nhận định ở bản tin trước, về mặt kỹ thuật chỉ số HNX-Index sẽ gặp kháng cự cản trở tại ngưỡng 77 điểm mà tại đó áp lực bán cắt lỗ tại vùng đỉnh sẽ tăng cao. Diễn biến phiên hôm nay đã cho thấy sự phục hồi đầu tuần chỉ là một dead cat bounce:

- Thứ nhất, thanh khoản thị trường bắt đầu tăng một chút thì lập tức đã tăng của chỉ số bị thu hẹp. Đây là dấu hiệu cho thấy sự biến động tăng chủ yếu từ bên người bán.
- Thứ 2, lên gần kháng cự 77 điểm thì áp lực bán gia tăng, sức mua yếu dần, yếu tố này cho thấy xu thế giảm ngắn hạn chưa kết thúc.
- Thứ 3, thanh khoản HNX vẫn trên đà giảm với tốc độ giảm là khác nhanh.

Các yếu tố nêu trên cho thấy nguy cơ giảm của HNX-Index vẫn còn chưa kết thúc. NĐT nên tận dụng những phiên tăng giá để giảm tỷ lệ cổ phiếu trong danh mục. HNX-index có hỗ trợ mạnh ở mức 66 điểm, cách khá xa mức điểm hiện tại.

HSX:**Cung cầu****Trung bình lệnh mua/bán****Giao dịch NĐTNN****HNX:****Cung cầu****Trung bình lệnh mua/bán****Giao dịch NĐTNN****Diễn biến thị trường sàn Hồ Chí Minh**

Sau 15 phút mở cửa, VN-Index tăng nhẹ 3.3 điểm, tức 0.74% lên 451.32 điểm. Ít phút sau đó, chỉ số này tiếp tục vượt lên trên 452 điểm. Toàn sàn có hơn 110 mã tăng giá, chủ yếu là cổ phiếu vừa và nhỏ, cùng các mã đầu cơ tiếp tục tăng mạnh. Nhóm cổ phiếu bluechips có sự phân hóa, duy chỉ có GAS và SJS tăng kịch trần. BVH, MSN, VIC tăng trên dưới 1%.

Kết thúc phiên giao dịch buổi sáng, Kết quả là VN-Index tăng 4.64 điểm, tức 1.04% lên 452.66 điểm. HNX-Index tăng 0.47 điểm, tương ứng 0.61% đạt 77.31 điểm.

Kết phiên, VN-Index mất điểm nhẹ 0.08 điểm, tương ứng 0.02% xuống 447.94 điểm. Thống kê cho thấy, sàn HOSE có 44 mã tăng kịch trần, và 88 mã tăng giá. Ở chiều ngược lại có 131 mã giảm, trong đó 40 mã giảm sàn, cùng với đó là 57 mã đứng yên. Thanh khoản mặc dù tăng nhẹ khoảng 4 triệu đơn vị so với hôm qua, đạt 84.44 triệu đơn vị, nhưng giá trị lại tăng gần 300 tỷ đồng, đạt 1,527 tỷ đồng. Tuy nhiên, giao dịch thỏa thuận lại chiếm đến gần 24 triệu đơn vị, trị giá 609.66 tỷ đồng, trong đó riêng STB và STB đã chiếm gần 18 triệu đơn vị.

Diễn biến thị trường Hà Nội:

Tại sàn HNX, chỉ số có lúc tăng hơn 0.7 điểm, nhưng sau 15 phút đã thu hẹp chỉ còn 0.43 điểm, tức 0.56% đạt 77.27 điểm, tuy nhiên xu hướng lại tiếp tục đi xuống. Giao dịch đạt khá hơn phiên trước, với trên 5 triệu đơn vị, trị giá 53 tỷ đồng do bên bán chủ động tung hàng mạnh hơn nhằm giảm rủi ro. Các mã chủ chốt như HBB, PVS, SCR, VND, KLS... giữ được mức tăng nhẹ.

Cuối đợt giao dịch buổi sáng, HNX có 39 triệu đơn vị, trị giá 396 tỷ đồng, nhưng thỏa thuận cũng chiếm tỷ trọng khá lớn, với 6.68 triệu đơn vị, tương đương 72 tỷ đồng. Khối ngoại mua vào áp đảo tại HNX với 1.02 triệu đơn vị, trị giá 13.4 tỷ đồng so với 118 ngàn đơn vị bán ra, tương đương 1.33 tỷ đồng. Trong đó, VND, PVX, DBC là những mã được mua vào nhiều nhất.

Kết phiên, Sàn HNX, giao dịch cũng tăng đáng kể, với 58.73 triệu đơn vị, tương đương 610 tỷ đồng, nhưng giao dịch thỏa thuận cũng chiếm đến 7.67 triệu đơn vị, trị giá 90.7 tỷ đồng.

Khối ngoại mua vào khá mạnh, với 2.77 triệu đơn vị, tương ứng 35.4 tỷ đồng, trong khi bán ra vốn vụn 141 ngàn đơn vị, với 1.62 tỷ đồng. trong đó, chỉ riêng VND đã được mua 2 triệu đơn vị, chiếm gần ½ tổng khối lượng giao dịch của mã này

Diễn biến của cổ phiếu các công ty thuộc PVN

Phiên giao dịch hôm nay, trong 26 cổ phiếu niêm yết trên HOSE và HNX có 12 cổ phiếu tăng giá, 3 cổ phiếu đứng giá và 11 cổ phiếu giảm giá. Cổ phiếu tăng giá nhiều nhất là PCG (tăng 5,36%). Cổ phiếu giảm giá nhiều nhất là PGS (giảm 3,76%). Trung bình, các cổ phiếu thuộc nhóm này tăng 0,4% và tổng khối lượng giao dịch đạt 13,851 triệu đơn vị.

Dưới đây là diễn biến của các mã cổ phiếu thuộc tập đoàn PVN phiên ngày 22/05:

STT	Mã	Tên công ty	Giá đóng cửa (VNĐ)	KLGD (cp)	Tăng/Giảm (%)	P/B *	P/E trailing*	Nơi giao dịch
1	PCG	CTCP Đầu tư và phát triển Gas Đô thị	5,900.0	100	↑ 5.36	0.52	15.95	HNX
2	PFL	CTCP Dầu khí Đông Đô	5,800.0	266,900	↑ 1.75	0.34	0.57	HNX
3	PGS	CTCP Kinh doanh Khí hóa lỏng Miền Nam	25,600.0	974,600	↓ -3.76	2.10	1.70	HNX
4	PPS	CTCP Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí VN	12,800.0	176,100	↓ -0.78	1.19	8.10	HNX
5	PPE	CTCP Tư vấn Điện lực Dầu khí Việt Nam	5,500.0	100	↑ 1.85	0.50	3.04	HNX
6	PSI	CTCP Chứng Khoán Dầu khí	5,800.0	150,400	↑ 1.75	0.57	N/A	HNX
7	PVC	Tổng CTCP Dung dịch khoan và Hóa phẩm Dầu khí	17,400.0	185,100	↓ -2.25	1.04	2.60	HNX
8	PVE	Tổng công ty Tư vấn và Thiết kế Dầu khí	13,000.0	53,900	↓ -0.76	2.28	5.94	HNX
9	PVG	CTCP Kinh doanh khí hóa lỏng Miền Bắc	14,100.0	573,800	↓ -3.42	0.90	10.14	HNX
10	PVI	Tổng CTCP Bảo hiểm Dầu khí	19,800.0	62,564	↑ 2.06	0.85	10.00	HNX
11	PVR	CTCP Kinh doanh Dịch vụ cao cấp Dầu khí VN	6,800.0	6,200	↓ -1.45	0.65	3.19	HNX
12	PVS	Tổng CTCP Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí	18,700.0	2,373,450	→ 0.00	1.58	5.00	HNX
13	PVX	Tổng CTCP Xây lắp Dầu khí VN	9,900.0	3,293,605	↓ -1.98	0.44	3.72	HNX
14	DPM	Tổng công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí	34,500.0	1,007,690	↑ 0.88	2.06	5.57	HSX
15	CNG	Công ty cổ phần CNG Việt Nam	28,800.0	74,990	↓ -2.04	1.32	3.50	HSX
16	GSP	CTCP Vận tải Sản phẩm khí quốc tế	9,100.0	98,840	→ 0.00	0.78	6.64	HSX
17	PET	Tổng CTCP Dịch vụ Tổng hợp Dầu khí	13,000.0	235,920	→ 0.00	0.74	3.20	HSX
18	PGD	CTCP Phân phối khí thấp áp Dầu khí VN	35,000.0	19,610	↓ -1.13	1.71	4.94	HSX
19	PTL	CTCP Đầu tư Hạ tầng và Đô thị Dầu khí	6,300.0	475,350	↑ 5.00	0.61	4.88	HSX
20	PVD	Tổng CTCP khoan và dịch vụ khoan Dầu khí	36,900.0	284,670	↓ -1.86	1.25	7.25	HSX
21	PVF	Tổng CTCP Tài chính Dầu khí	13,600.0	1,610,460	↑ 2.26	1.19	17.22	HSX
22	PVT	Tổng CTCP vận tải Dầu khí	6,300.0	956,530	↓ -3.08	0.64	57.27	HSX
23	PXI	CTCP Xây dựng công nghiệp & dân dụng dầu khí	8,000.0	328,270	↑ 2.56	0.77	5.33	HSX
24	PXM	CTCP Xây lắp Dầu khí Miền Trung	6,900.0	196,470	↑ 2.99	0.62	3.59	HSX
25	PXS	CTCP Kết cấu Kim loại và Lắp máy Dầu khí	12,100.0	297,800	↑ 3.42	0.91	3.63	HSX
26	PXT	CTCP Xây lắp Đường ống Bể chứa Dầu khí	6,900.0	147,770	↑ 2.99	0.63	4.54	HSX
27	NT2	CTCP Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2	4,300.0	7,000	→ 0.00	0.39	4.61	UPCOM
28	POV	CTCP Xăng dầu Dầu khí Vũng Áng	7,700.0	-	→ 0.00	0.72	0.00	UPCOM
29	PSP	CTCP cảng dịch vụ dầu khí Đình Vũ	4,500.0	7,200	↑ 2.27	0.46	13.58	UPCOM
30	PSB	CTCP Đầu tư Sao Mai -Bến Đình	4,400.0	6,400	↑ 10.00	0.39	3.95	UPCOM
31	PTT	CTCP Vận tải Dầu khí Đông Dương	3,800.0	-	→ 0.00	0.34	N/A	UPCOM

THỐNG KÊ GIAO DỊCH

HSX

5 cổ phiếu giao dịch nhiều nhất

Mã	Tham chiếu	Đóng cửa	± %	Giá trị giao dịch (1 triệu VNĐ)
GAS	41,000	43,000	4.88	196,172,830
SSI	22,000	22,100	0.45	45,629,141
ITA	7,600	7,900	3.95	35,510,323
DPM	34,200	34,500	0.88	35,037,893
ASM	17,500	16,700	-4.57	30,281,168

HNX

5 cổ phiếu giao dịch nhiều nhất

Mã	Tham chiếu	Đóng cửa	± %	Giá trị giao dịch (1 triệu VNĐ)
HBB	7,000	7,100	1.43	95,685
SCR	16,500	16,400	-0.61	65,377
PVX	11,900	11,500	-3.36	56,399
SHB	11,400	11,100	-2.63	50,120
VND	13,000	12,600	-3.08	36,889

5 cổ phiếu tăng nhiều nhất

Mã	Tham chiếu	Đóng cửa	Tăng	± %
VKP	900	1,000	100	11.11
PIT	8,000	8,400	400	5.00
AGD	50,000	52,500	2,500	5.00
DXV	6,000	6,300	300	5.00
PTL	6,000	6,300	300	5.00

5 cổ phiếu tăng nhiều nhất

Mã	Tham chiếu	Đóng cửa	Tăng	± %
POT	12,900	13,800	900	6.98
BKC	12,900	13,800	900	6.98
API	4,300	4,600	300	6.98
NGC	8,600	9,200	600	6.98
UNI	11,600	12,400	800	6.90

5 cổ phiếu giảm nhiều nhất

Mã	Tham chiếu	Đóng cửa	Giảm	± %
DDM	4,000	3,800	-200	-5.00
STG	24,000	22,800	-1,200	-5.00
DLG	18,100	17,200	-900	-4.97
KMR	6,100	5,800	-300	-4.92
BMI	12,200	11,600	-600	-4.92

5 cổ phiếu giảm nhiều nhất

Mã	Tham chiếu	Đóng cửa	Giảm	± %
CTV	4,300	4,000	-300	-6.98
VMC	20,300	18,900	-1,400	-6.90
QCC	2,900	2,700	-200	-6.90
HHL	2,900	2,700	-200	-6.90
SAF	24,700	23,000	-1,700	-6.88

5 cổ phiếu giao dịch nhiều nhất

Mã	Tham chiếu	Đóng cửa	± %	Giá trị giao dịch (1 triệu VNĐ)
SCR	13,200	14,100	6.82	58,395
VND	12,500	12,500	0.00	57,405
PVS	18,700	18,700	0.00	44,785
SHB	9,800	9,700	-1.02	40,394
PVX	10,100	9,900	-1.98	33,133

5 CP được NĐT nước ngoài mua/bán nhiều nhất

Mã	GT mua (triệu VNĐ)	Mã	GT bán (triệu VNĐ)
KLS	7,407	SCR	1,258
PVS	4,529	BVS	1,119
SHB	3,412	PVS	928
PGS	3,225	AVS	389
VCG	2,468	PVI	369

5 CP được NĐT nước ngoài mua/bán nhiều nhất

Mã	GT mua (triệu VNĐ)	Mã	GT bán (triệu VNĐ)
GAS	38,707	GAS	8,600
DPM	11,072	BVH	7,476
DHG	6,600	PVD	7,383
PVD	5,877	HAG	7,100
DPR	4,955	DPR	7,068

5 CP được NĐT nước ngoài mua/bán nhiều nhất

Mã	GT mua (triệu VNĐ)	Mã	GT bán (triệu VNĐ)
VND	24,906	VNR	1,855
PVS	3,765	AAA	1,038
DBC	1,135	SDT	615
NTP	1,081	VC1	296
PVX	1,002	BVS	235

KHUYẾN CÁO SỬ DỤNG

Báo cáo này được thực hiện bởi Ban Phân tích - Công ty cổ phần Chứng khoán Dầu khí. Những thông tin trong báo cáo này được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy và đánh giá một cách thận trọng. Tuy nhiên, Công ty cổ phần Chứng khoán Dầu khí không chịu bất kỳ trách nhiệm nào đối với tính chính xác, trung thực, đầy đủ của các thông tin được cung cấp cũng như những tổn thất có thể xảy ra khi sử dụng báo cáo này. Mọi thông tin, quan điểm trong báo cáo này có thể được thay đổi mà không cần báo trước. Báo cáo này được xuất bản với mục đích cung cấp thông tin và hoàn toàn không hàm ý khuyến cáo người đọc mua, bán hay nắm giữ chứng khoán.

Người đọc cần lưu ý: Công ty cổ phần Chứng khoán Dầu khí có thể có những hoạt động hợp tác với các đối tượng được nêu trong báo cáo và có thể có xung đột lợi ích với các nhà đầu tư.

Báo cáo này thuộc bản quyền của Công ty cổ phần Chứng khoán Dầu khí. Mọi hành vi in ấn, sao chép, sửa đổi nội dung mà không được sự cho phép của Công ty cổ phần Chứng khoán Dầu khí đều được coi là sự vi phạm pháp luật.

THÔNG TIN LIÊN HỆ

Ban Phân tích

E -mail: research@psi.vn

Tel: (84-4) 3934 3888

CHỨNG KHOÁN DẦU KHÍ



Trụ sở chính:

18 Lý Thường Kiệt, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội - ĐT: (84-4) 39343888; Fax: (84-4) 39343999

Chi nhánh Hải Phòng

Số 5, Hồ Xuân Hương, quận Hồng Bàng, Hải Phòng - ĐT: (84-31) 351 5188; Fax: (84-38) 351 5199

Chi nhánh TP.HCM:

Số 24 – 26 Hồ Tùng Mậu, Quận I, TP.Hồ Chí Minh - ĐT (84-8) 3914 6789; Fax (84-8) 3914 6969

Chi nhánh Vũng Tàu:

Phòng 112, Tòa nhà Petro Tower, số 08 Hoàng Diệu, TP.Vũng Tàu – ĐT: (84-64) 62545 20 - 22 - 23 -24 - 26; Fax: (84-64) 6254521

Chi nhánh Đà Nẵng:

Số 55-56 Đường Nguyễn Văn Linh, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng – ĐT: (84-0511) 3899338; Fax: (84-0511) 3899339